

Môn : Toán**BÀI : PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 7.****I. Mục tiêu :** Học sinh được:

- Tiếp tục củng cố khắc sâu khái niệm về phép cộng.
- Tự thành lập và ghi nhớ bảng cộng trong phạm vi 7
- Thực hành tính cộng đúng trong phạm vi 7.
- Tập biểu thị tranh bằng phép trừ thích hợp.

Đồ dùng dạy học:

- Bộ đồ dùng toán 1, VBT, SGK, bảng
- Các mô hình phù hợp để minh họa phép cộng trong phạm vi 7.

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. KTBC : Hỏi tên bài. Gọi học sinh nộp vở. Gọi học sinh lên bảng làm bài tập.</p> <p>Làm bảng con : $5 - \dots = 3$ (dãy 1) $\dots - 2 = 4$ (dãy 2)</p> <p>Nhận xét KTBC.</p> <p>2. Bài mới : GT bài ghi tựa bài học. ➤ Hướng dẫn học sinh thành lập và ghi nhớ bảng cộng trong phạm vi 7. Bước 1: Hướng dẫn học sinh thành lập công thức $6 + 1 = 7$ và $1 + 6 = 7$ + Hướng dẫn học sinh quan sát mô hình đính trên bảng và trả lời câu hỏi: Giáo viên đính lên bảng 6 tam giác và hỏi: Có mấy tam giác trên bảng? Có 6 tam giác thêm 1 tam giác nữa là mấy tam giác? Làm thế nào để biết là 7 tam giác? Cho cài phép tính $6 + 1 = 7$ Giáo viên nhận xét toàn lớp. GV viết công thức : $6 + 1 = 7$ trên bảng và cho học sinh đọc. + Giúp học sinh quan sát hình để rút ra nhận xét: 6 hình tam giác và 1 hình</p>	<p>Học sinh nêu: Luyện tập.</p> <p>Tổ 4 nộp vở. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $4 + \dots = 6$, $4 + \dots = 5$ $\dots + 2 = 4$, $5 - \dots = 3$ $\dots + 6 = 6$, $\dots - 2 = 4$</p> <p>HS nhắc tựa.</p> <p>Học sinh QS trả lời câu hỏi. 6 tam giác. Học sinh nêu: 6 hình tam giác thêm 1 hình tam giác là 7 hình tam giác. Làm tính cộng, lấy 6 cộng 1 bằng bảy. $6 + 1 = 7$.</p> <p>Vài học sinh đọc lại $6 + 1 = 7$.</p> <p>Học sinh quan sát và nêu: $6 + 1 = 1 + 6 = 7$</p>

<p>tam giác cũng như 1 hình tam giác và 6 hình tam giác. Do đó $6 + 1 = 1 + 6$ GV viết công thức lên bảng: $1 + 6 = 7$ rồi gọi học sinh đọc. Sau đó cho học sinh đọc lại 2 công thức: $6 + 1 = 7$ và $1 + 6 = 7$.</p> <p>Bước 2: Hướng dẫn học sinh thành lập các công thức còn lại: $5 + 2 = 2 + 5 = 7$; $4 + 3 = 3 + 4 = 7$ tương tự như trên.</p> <p>Bước 3: Hướng dẫn học sinh bước đầu ghi nhớ bảng cộng trong phạm vi 7 và cho học sinh đọc lại bảng cộng.</p> <p>Hướng dẫn luyện tập: Bài 1: Học sinh nêu YC bài tập. GV hướng dẫn học sinh sử dụng bảng cộng trong phạm vi 7 để tìm ra kết quả của phép tính. Cần lưu ý học sinh viết các số phải thật thẳng cột. Bài 2: Học sinh nêu YC bài tập. Cho học sinh tìm kết quả của phép tính (tính nhẩm), rồi đọc kết quả bài làm của mình theo từng cột (cặp phép tính). GV lưu ý củng cố cho học sinh về TC giao hoán của phép cộng thông qua ví dụ cụ thể. Ví dụ: Khi đã biết $5 + 2 = 7$ thì viết được ngay $2 + 5 = 7$. Bài 3: Học sinh nêu YC bài tập. GV cho Học sinh nhắc lại cách tính giá trị của biểu thức số có dạng như trong bài tập như: $5 + 1 + 1$ thì phải lấy $5 + 1$ trước, được bao nhiêu cộng tiếp với 1. Cho học sinh làm bài và chữa bài trên bảng lớp. Bài 4: Hướng dẫn học sinh xem tranh rồi nêu bài toán. Gọi học sinh lên bảng chữa bài.</p> <p>4.Củng cố – dặn dò:</p>	<p>Vài em đọc lại công thức.</p> <p>$6 + 1 = 7$ $1 + 6 = 7$, gọi vài em đọc lại, nhóm đồng thanh.</p> <p>Học sinh nêu: $5 + 2 = 7$ $2 + 5 = 7$ $3 + 4 = 7$ $4 + 3 = 7$ học sinh đọc lại bảng cộng vài em, nhóm.</p> <p>Học sinh thực hiện theo cột dọc ở VBT và nêu kết quả.</p> <p>Học sinh làm miệng và nêu kết quả: $7 + 0 = 7$, $6 + 1 = 7$, $3 + 4 = 7$ $0 + 7 = 7$, $1 + 6 = 7$, $4 + 3 = 7$ học sinh nêu tính chất giao hoán của phép cộng.</p> <p>Học sinh làm phiếu học tập. Học sinh khác nhận xét bạn làm.</p> <p>Học sinh chữa bài trên bảng lớp.</p> <p>a) Có 6 con bướm, thêm 1 con bướm nữa. Hỏi có mấy con bướm? Có 4 con chim, thêm 3 con chim nữa. Hỏi có mấy con chim? Học sinh làm bảng con: $6 + 1 = 7$ (con bướm) $4 + 3 = 7$ (con chim)</p>
--	--

<p>Hỏi tên bài. GV nêu câu hỏi : <u>Nêu trò chơi</u> : Tiếp sức. Chuẩn bị 2 bảng giấy ghi các phép tính và kết quả, 2 bút màu. <u>Cách chơi</u>: Phân 2 dãy bàn trong lớp học, một dãy bàn là 1 đội. GV treo sẵn 2 bảng giấy lên bảng. Sau khi nghe hiệu lệnh của người quản trò chơi, các thành viên của mỗi đội sẽ dùng bút nối kết quả với phép tính. Từng người nối xong sẽ chuyền bút cho người khác nối tiếp. <u>Luật chơi</u>: Mỗi người chỉ nối được 1 lần. Trong 5 phút đội nào nối nhanh và đúng sẽ thắng. Gọi học sinh xung phong đọc thuộc bảng cộng trong phạm vi 7. Nhận xét, tuyên dương <u>5. Dặn dò</u> : Về nhà làm bài tập ở VBT, học bài, xem bài mới.</p>	<p>Học sinh nêu tên bài</p> <p>Đại diện 2 nhóm chơi trò chơi.</p> <p>Học sinh xung phong đọc.</p> <p>Học sinh lắng nghe.</p>
--	--

Môn : Học vần
BÀI : INH - ÊNH

I. Mục tiêu: -HS hiểu được cấu tạo các vần inh, ênh, các tiếng: tính, kênh.
-Phân biệt được sự khác nhau giữa vần inh và ênh. máy tính.

II. Đồ dùng dạy học: -Tranh minh hoạ từ khóa.
-Tranh minh hoạ: Câu ứng dụng.
-Tranh minh hoạ luyện nói: Máy cày, máy nổ, máy khâu, máy tính.
-Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. KTBC : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung.</p> <p>2. Bài mới: GV giới thiệu tranh rút ra vần inh, ghi bảng. Gọi 1 HS phân tích vần inh. Lớp cài vần inh. GV nhận xét. So sánh vần inh với anh. HD đánh vần vần inh. Có inh, muốn có tiếng tính ta làm thế nào? Cài tiếng tính. GV nhận xét và ghi bảng tiếng tính. Gọi phân tích tiếng tính. GV hướng dẫn đánh vần tiếng tính. Dùng tranh giới thiệu từ “máy vi tính”. Hỏi: Trong từ có tiếng nào mang vần mới học. Gọi đánh vần tiếng tính, đọc trơn từ máy vi tính. Gọi đọc sơ đồ trên bảng. Vần 2 : vần ênh (dạy tương tự) So sánh 2 vần</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 5 -> 8 em N1 : buồn làng; N2 : hiền lành.</p> <p>Học sinh nhắc lại. HS phân tích, cá nhân 1 em Cài bảng cài. Giống nhau : kết thúc bằng nh. Khác nhau : inh bắt đầu bằng i. i – nhờ – inh. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. Thêm âm t đứng trước vần inh và thanh sắc trên âm i. Toàn lớp. CN 1 em. Ờ – inh – tinh – sắc - tính. CN 4 em, đọc trơn 4 em, 2 nhóm ĐT. Tiếng tính. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. CN 2 em Giống nhau : kết thúc bằng nh Khác nhau : inh bắt đầu bằng i, ênh bắt đầu bằng ê.</p>

<p>Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng.</p> <p>Hướng dẫn viết bảng con: inh, máy vi tính, ênh, dòng kênh. GV nhận xét và sửa sai.</p> <p><u>Đọc từ ứng dụng.</u> Giáo viên đưa tranh, mẫu vật hoặc vật thật để giới thiệu từ ứng dụng, có thể giải nghĩa từ (nếu thấy cần), rút từ ghi bảng. Đình làng: Ngôi đình ở một làng nào đó, thường là nơi dân làng tập trung, tụ họp, bàn việc làng, tổ chức lễ hội. Ễnh ương: Con vật giống con ếch. Đình làng, thông minh, bệnh viện, ễnh ương. Hỏi tiếng mang vần mới học trong từ : Đình làng, thông minh, bệnh viện, ễnh ương. Gọi đánh vần tiếng và đọc trơn các từ trên. Đọc sơ đồ 2 Gọi đọc toàn bảng <u>3.Củng cố tiết 1:</u> Hỏi vần mới học. Đọc bài. Tìm tiếng mang vần mới học. NX tiết 1</p> <p style="text-align: center;">Tiết 2</p> <p>Luyện đọc bảng lớp : Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn Luyện câu : GT tranh rút câu ghi bảng: Bức tranh vẽ gì? Nội dung bức tranh minh hoạ cho câu ứng dụng: Cái gì cao lớn <u>lênh</u> <u>khênh</u> Đứng mà không tựa ngã <u>kênh</u> ngay ra. Gọi học sinh đọc. GV nhận xét và sửa sai. <u>Luyện nói:</u> Chủ đề: “Máy cày, máy nổ, máy khâu, máy tính.” GV gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề. GV treo tranh và hỏi: + Bức tranh vẽ những loại máy gì?</p>	<p>3 em 1 em.</p> <p style="text-align: right;">Nghỉ giữa tiết.</p> <p>Toàn lớp viết</p> <p>Học sinh quan sát và giải nghĩa từ cùng GV.</p> <p>HS đánh vần, đọc trơn từ, CN vài em.</p> <p>Đình, minh, bệnh, ễnh.</p> <p>CN 2 em CN 2 em, đồng thanh</p> <p>Vần inh, ênh. CN 2 em Đại diện 2 nhóm</p> <p>CN 6 -> 7 em, lớp đồng thanh.</p> <p>Cái thang ở bên đồng rơm có hai bạn nhỏ.</p> <p>HS tìm tiếng mang vần mới học (có gạch chân) trong câu, 4 em đánh vần các tiếng có gạch chân, đọc trơn tiếng 4 em, đọc trơn toàn câu 5 em, đồng thanh.</p> <p>Máy cày, máy nổ, máy khâu, máy tính.</p>
---	---

<p>+ Chỉ vào tranh và cho biết: đâu là máy cày, máy nổ, máy khâu, máy tính?</p> <p>+ Trong các loại máy con đã biết máy gì?</p> <p>+ Máy cày dùng để làm gì? Thường thấy ở đâu?</p> <p>+ Máy nổ dùng để làm gì?</p> <p>+ Máy khâu dùng để làm gì?</p> <p>+ Máy tính dùng để làm gì?</p> <p>+ Ngoài các loại máy trong tranh, con còn biết những loại máy gì? Dùng để làm gì?</p> <p>Tổ chức cho các em thi nói về các loại máy mà em biết.</p> <p>GV giáo dục TTTcảm</p> <p>Đọc sách kết hợp bảng con</p> <p>GV đọc mẫu 1 lần.</p> <p>GV Nhận xét cho điểm.</p> <p>Luyện viết vở TV (3 phút).</p> <p>GV thu vở một số em để chấm điểm.</p> <p>Nhận xét cách viết.</p> <p>4.Củng cố : Gọi đọc bài.</p> <p>Trò chơi:</p> <p>Tìm vần tiếp sức:</p> <p>Giáo viên gọi học sinh chia thành 2 nhóm mỗi nhóm khoảng 6 em. Thi tìm tiếng có chứa vần vừa học.</p> <p>Cách chơi:</p> <p>Học sinh nhóm này nêu vần, học sinh nhóm kia nêu tiếng có chứa vần vừa học, trong thời gian nhất định nhóm nào nói được nhiều tiếng nhóm đó thắng cuộc.</p> <p>GV nhận xét trò chơi.</p> <p>5.Nhận xét, dặn dò: Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.</p>	<p>Học sinh chỉ và nêu.</p> <p>Học sinh nói những máy gì đã biết.</p> <p>Cày đất, ruộng. Thấy ở ruộng vườn.</p> <p>Phát điện, xay sát...</p> <p>May vá...</p> <p>Tính toán...</p> <p>Học sinh nói theo gợi ý câu hỏi trên.</p> <p>Học sinh khác nhận xét.</p> <p>HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6 em.</p> <p>Học sinh lắng nghe.</p> <p>Toàn lớp.</p> <p>CN 1 em</p> <p>Đại diện 2 nhóm mỗi nhóm 6 học sinh lên chơi trò chơi.</p> <p>Học sinh dưới lớp cổ vũ tinh thần các bạn trong nhóm chơi.</p> <p>Học sinh khác nhận xét.</p>
---	---